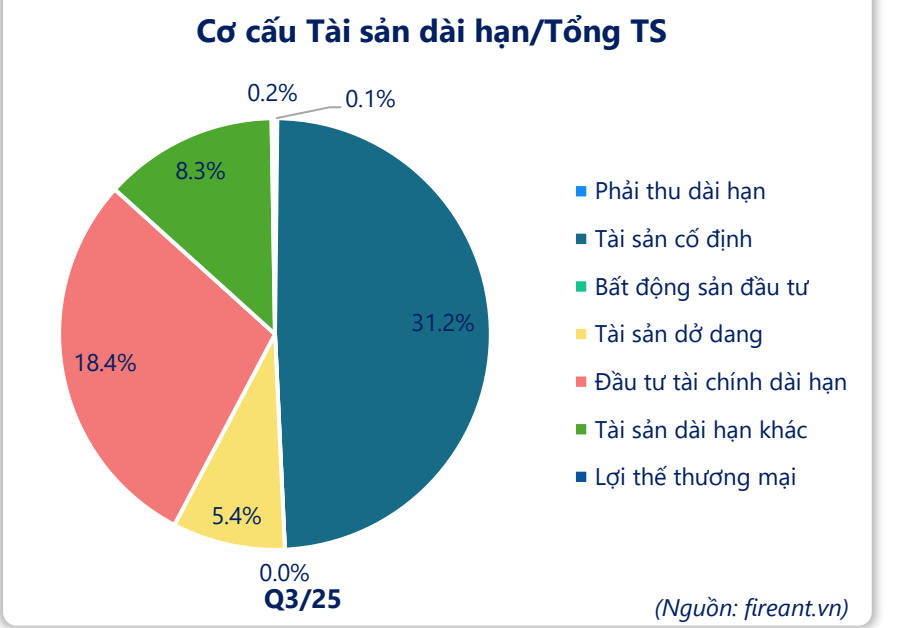
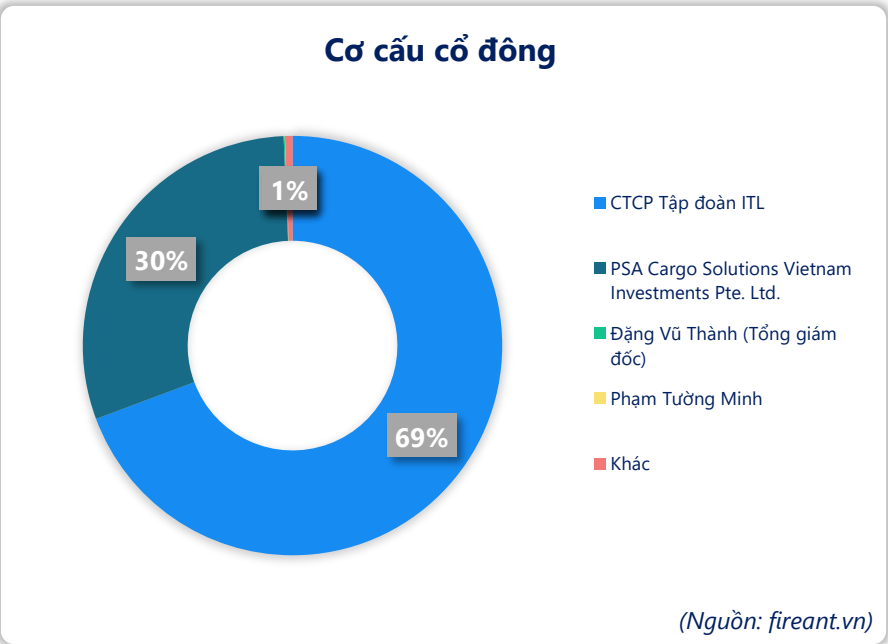
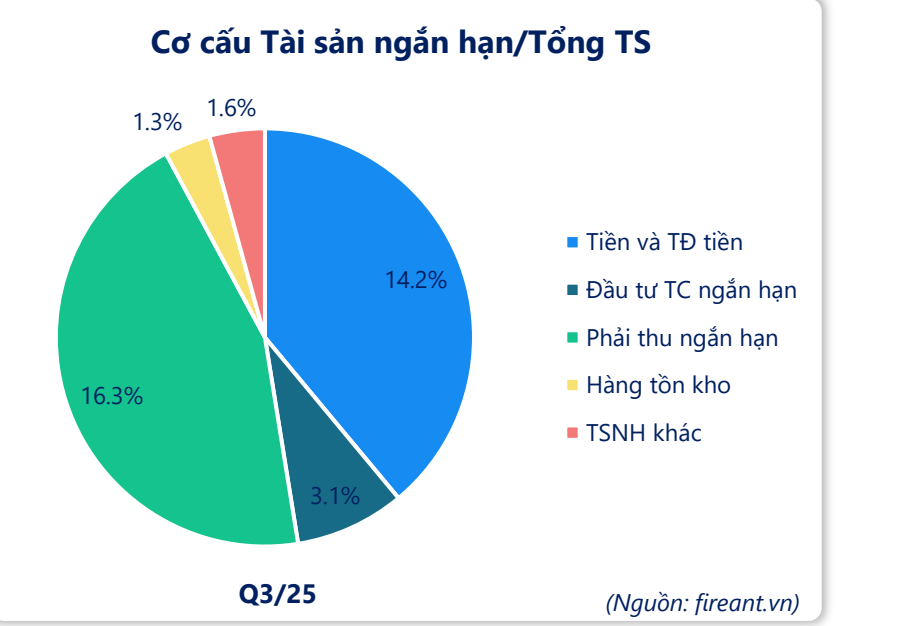
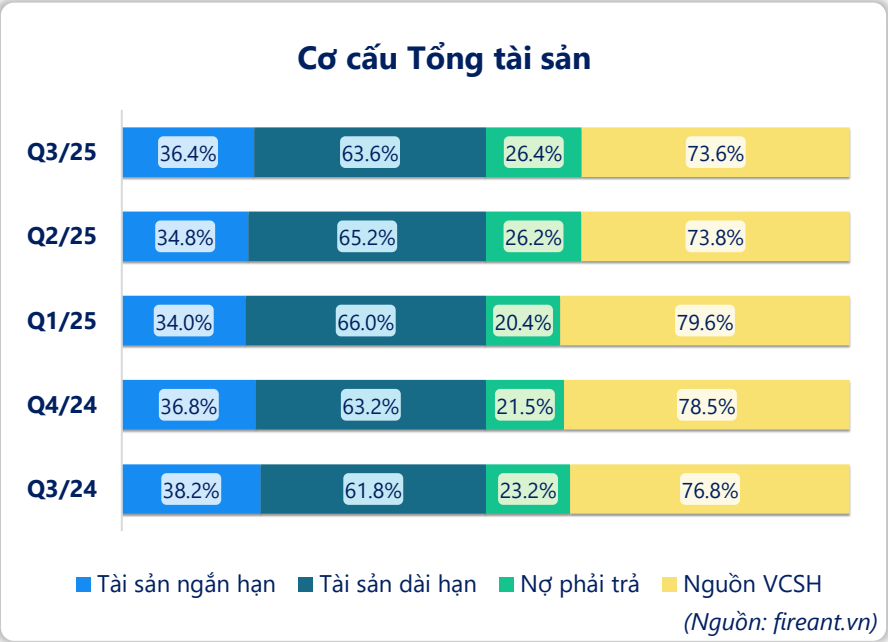
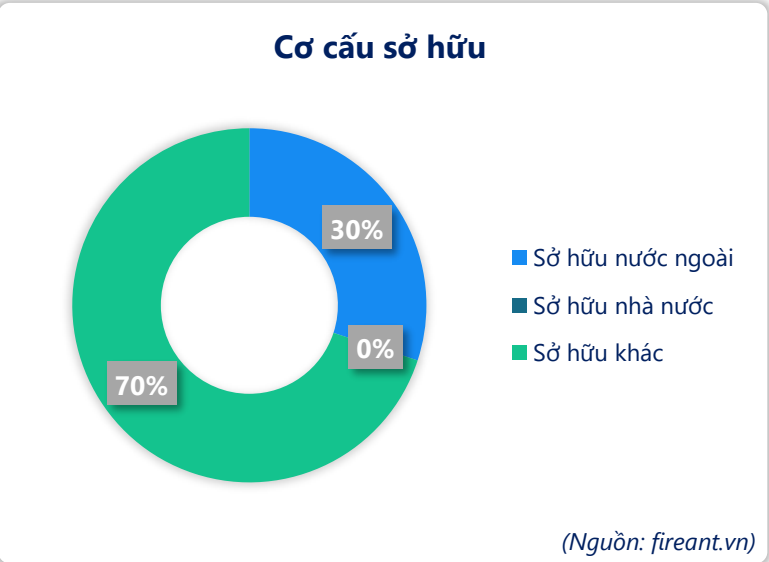
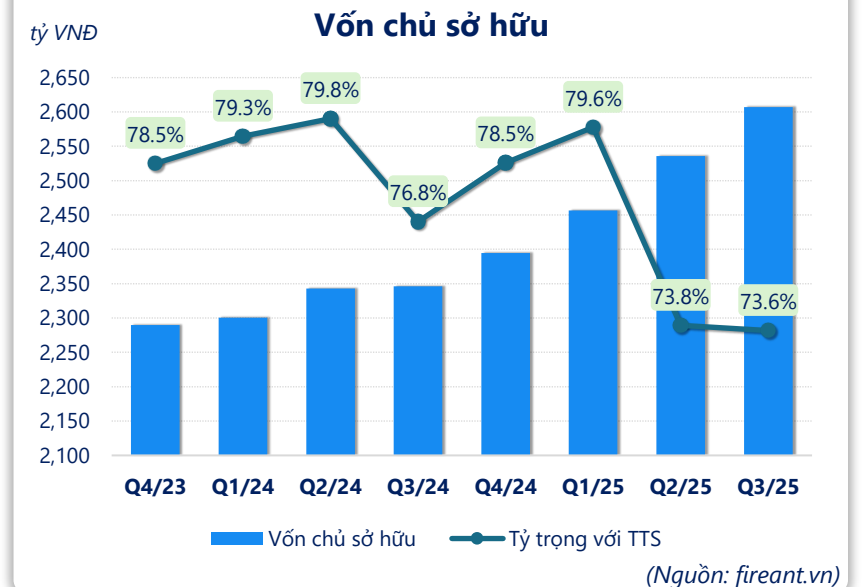
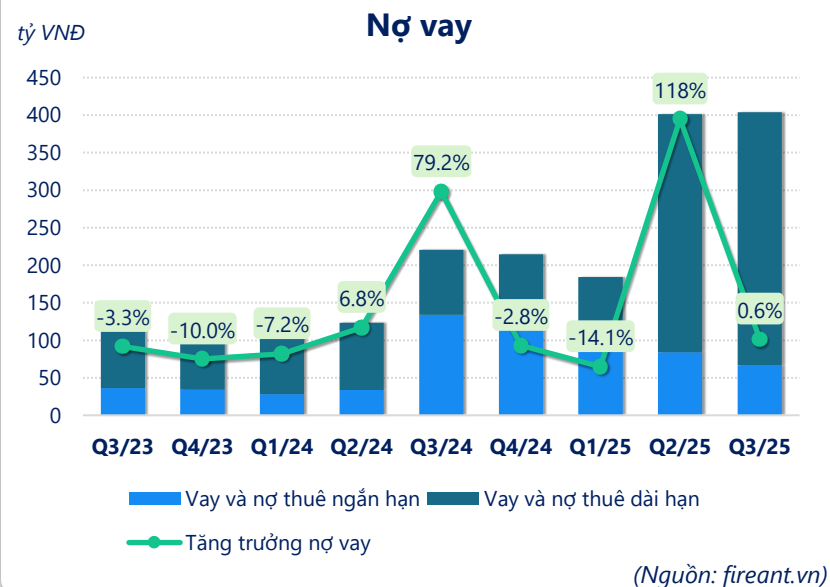
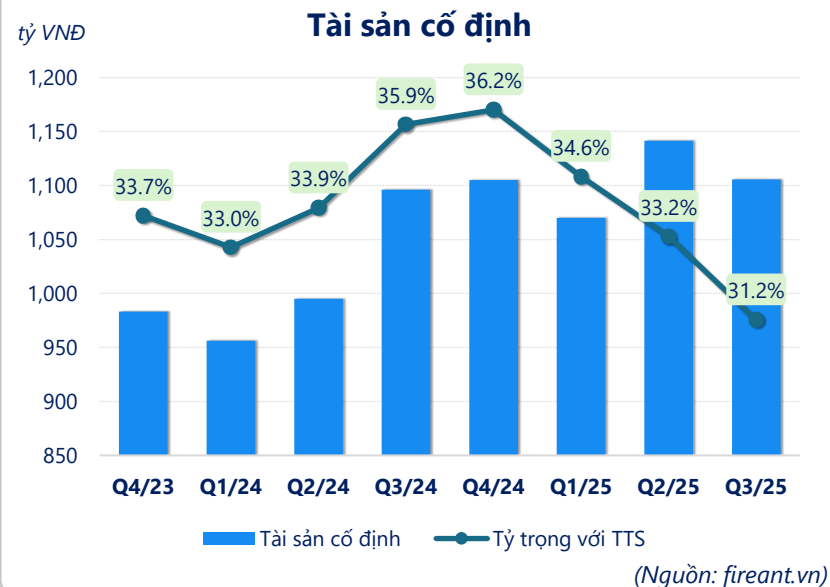
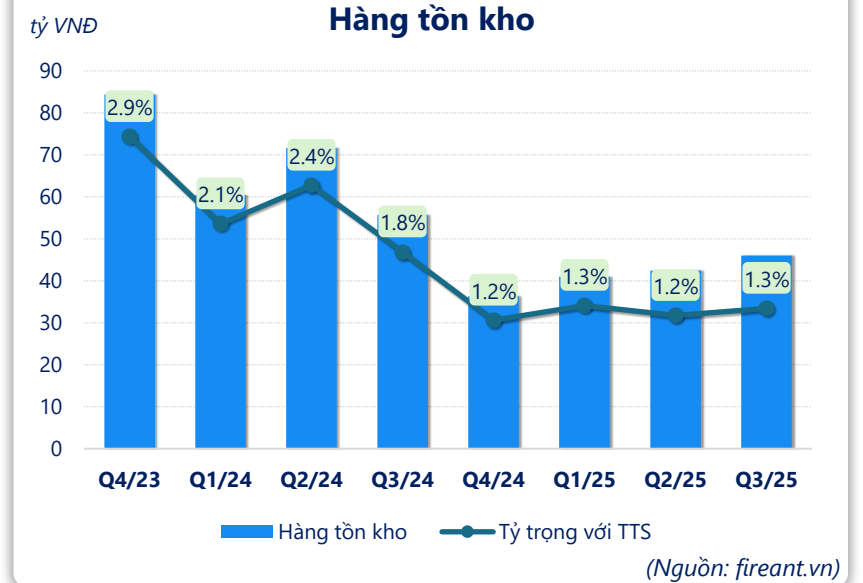
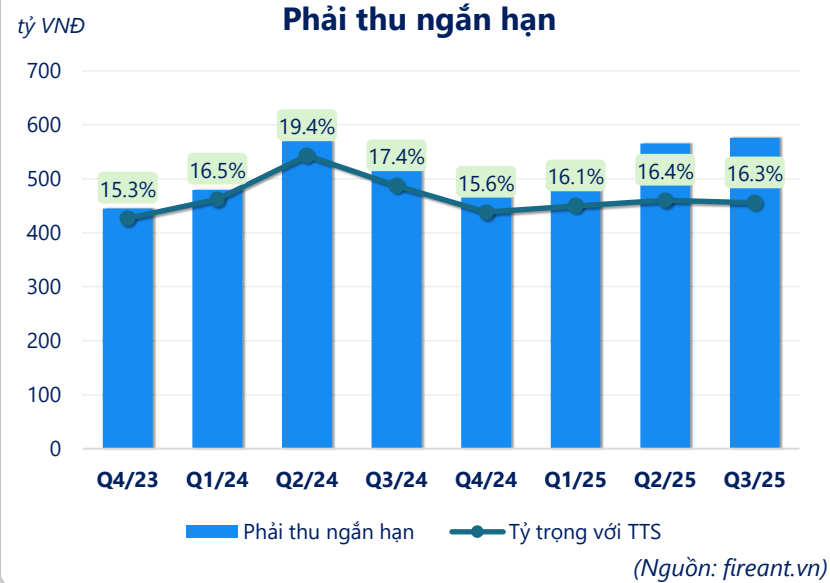
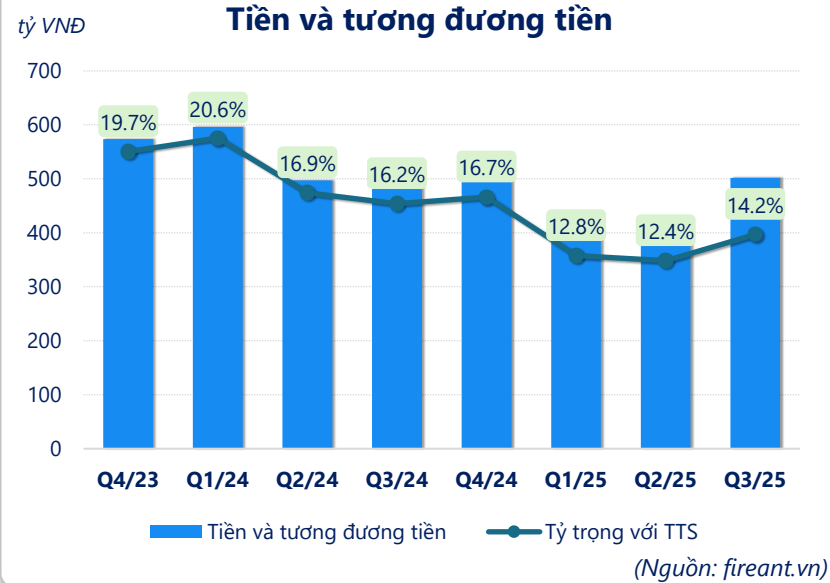
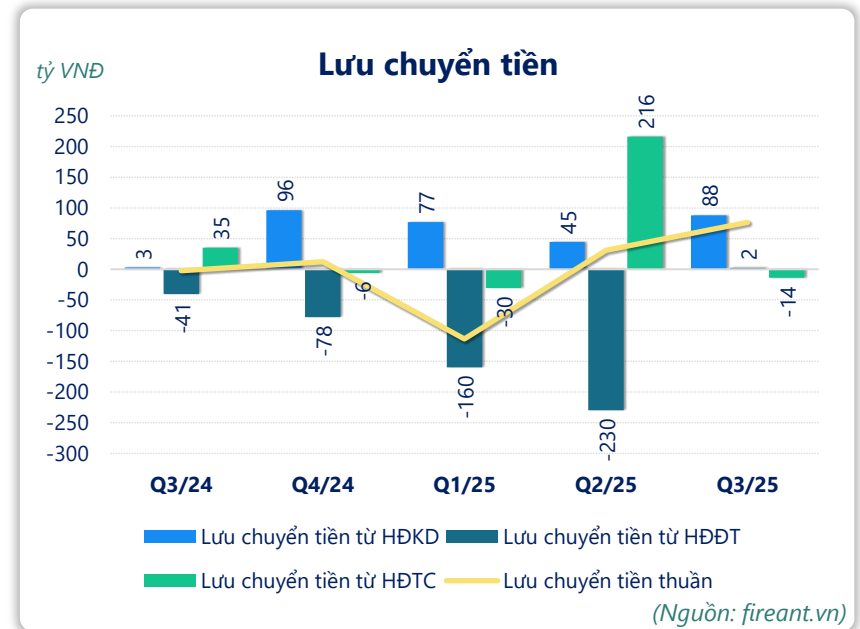
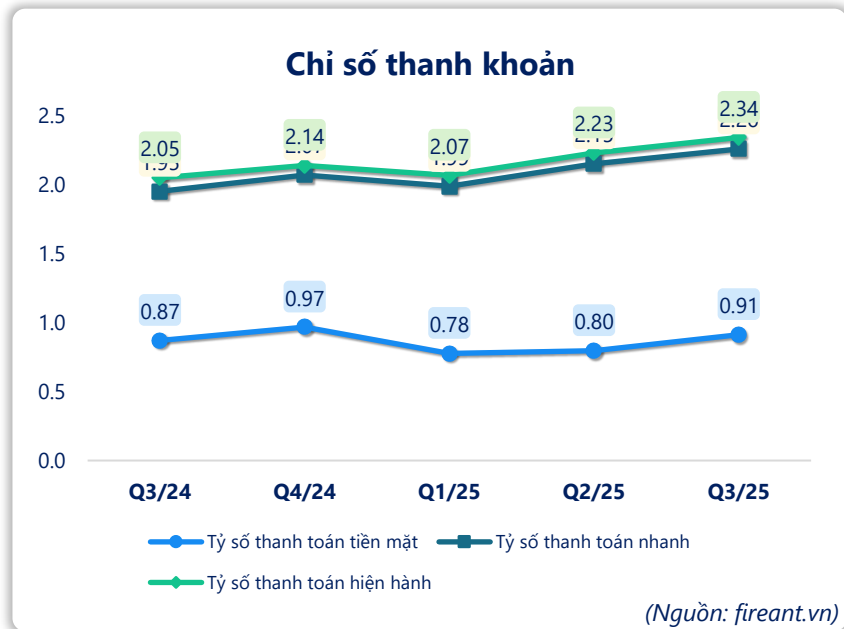
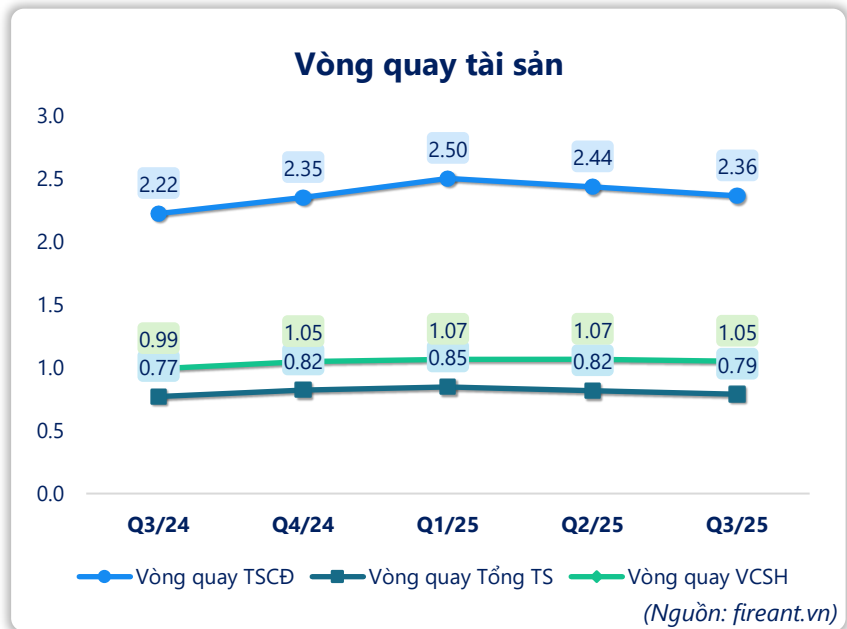
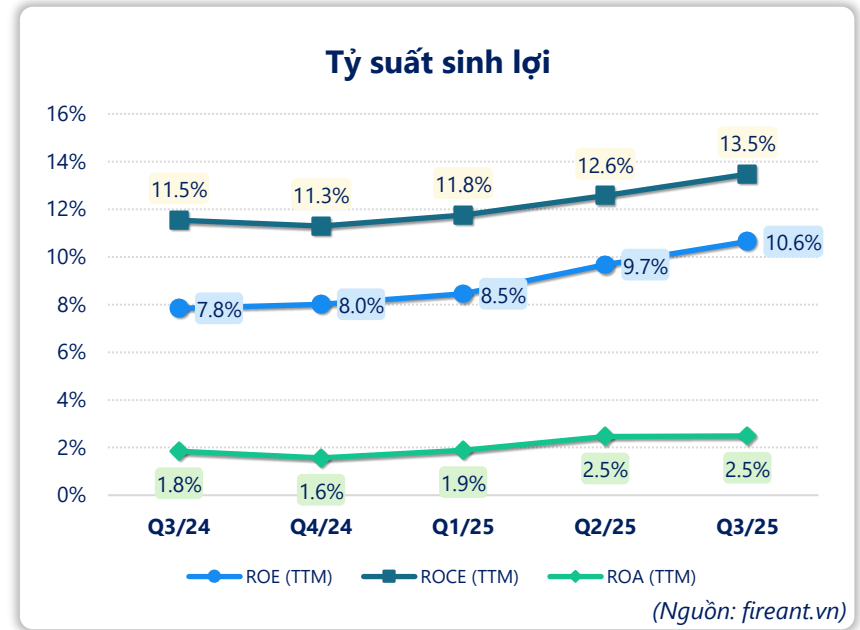
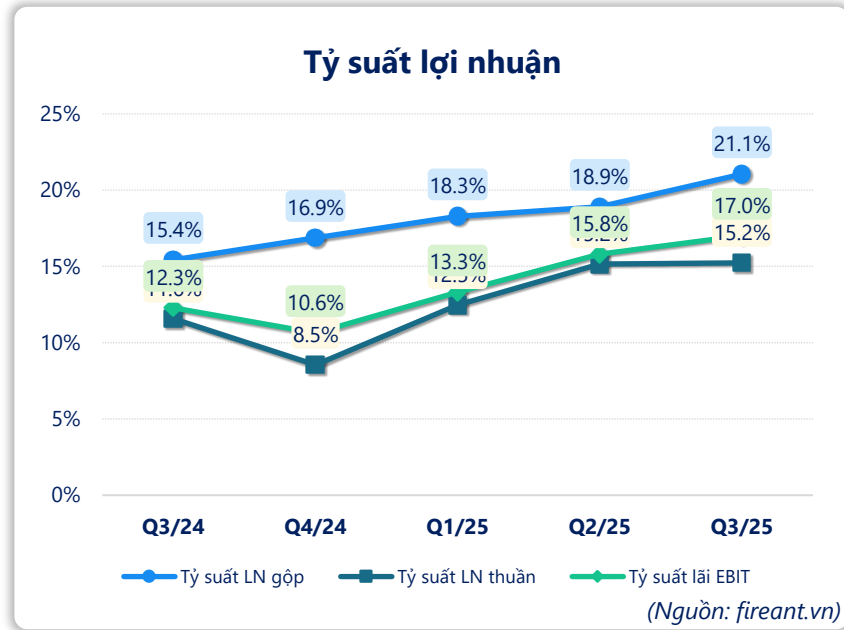
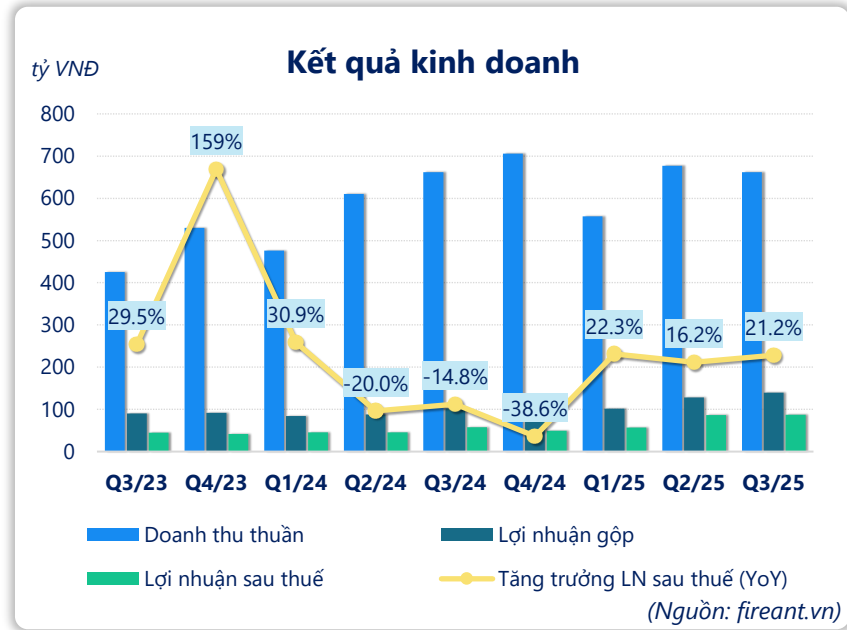


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		37,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		46,350
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,750
SL cổ phiếu LH		98,253,357
KLGD BQ 20 phiên (CP)		470
% sở hữu nước ngoài		30.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,714
P/E		14.1
EPS		2,684

	YTD	1T	3T	6T
STG	-5.4%	2.7%	-1.8%	-0.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,540	3,052	16.0%
Tài sản ngắn hạn	1,289	1,127	14.3%
Tiền và tương đương tiền	502	508	-1.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	110	86.5	26.6%
Phải thu ngắn hạn	576	479	20.3%
Hàng tồn kho	46.0	36.3	26.8%
Tài sản ngắn hạn khác	55.3	17.9	208%
Tài sản dài hạn	2,252	1,925	17.0%
Phải thu dài hạn	3.86	3.47	11.2%
Tài sản cố định	1,106	1,105	0.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	190	149	27.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	652	606	7.6%
Tài sản dài hạn khác	294	47.7	516%
Lợi thế thương mại	5.75	13.4	-57.2%
Nợ phải trả	933	652	43.1%
Nợ ngắn hạn	550	527	4.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.6	136	-51.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	111	128	-13.3%
Nợ dài hạn	384	126	205%
Vay và nợ thuê dài hạn	337	78.5	330%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,607	2,400	8.6%
Vốn chủ sở hữu	2,607	2,400	8.6%
Vốn điều lệ	983	983	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	662	706	557	677	662
Giá vốn hàng bán	560	587	455	549	523
Lợi nhuận gộp	102	119	102	128	139
Doanh thu HĐTC	3.59	9.51	4.72	10.0	3.28
Chi phí TC	3.95	6.99	5.04	8.94	7.66
Chi phí lãi vay	2.42	5.83	3.94	4.57	6.64
LN trong công ty LKLD	23.1	21.5	21.9	30.9	27.2
Chi phí bán hàng	21.4	21.7	23.5	26.2	29.8
Chi phí QLDN	26.9	61.1	30.5	31.2	31.6
LN thuần từ HĐKD	76.6	60.3	69.4	103	101
Lợi nhuận khác	2.31	8.94	0.71	-0.10	5.16
LN trước thuế	78.9	69.3	70.1	102	106
Lợi nhuận sau thuế	57.7	49.3	57.0	86.2	87.0
LNST của CĐ cty mẹ	54.4	46.8	56.5	78.4	82.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.01	96.3	76.7	44.7	87.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-40.6	-78.0	-160	-230	2.22
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	35.2	-5.86	-30.2	216	-13.7
Tiền đầu kỳ	497	495	508	394	428
Lưu chuyển tiền thuần	-2.38	12.4	-113	31.1	76.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.36	0.23	0	1.93	-1.93
Tiền cuối kỳ	495	508	394	428	502

(Nguồn: fireant.vn)